

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 138/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 16/8/2024

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Triệu Thanh Liêm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Trần Văn Phước**

Ông **Đặng Văn Chiểu**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thuý Ngoãn** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Lý Thị Nhiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 200/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 271/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Danh Thị Huyền T**, sinh ngày 18/02/2002; địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu

- Bị đơn: Anh **Trương Minh C**, sinh ngày 10/9/2001; địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu

(Chị T vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 17/5/2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Danh Thị Huyền T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Trương Minh C xây dựng hôn nhân năm 2022, hôn nhân tự nguyện, có đi đăng ký kết hôn theo quy định và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn 03/8/2022.

Quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh C xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hiểu nhau, không thông cảm cho nhau. Hiện nay, chị T nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị T yêu cầu Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trương Minh C

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng: Bị đơn anh Trương Minh C đã được Toà án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh C vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Toà án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự từ khi tham gia tố tụng đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Chị Danh Thị Huyền T và anh Trương Minh C có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân giữa chị T và anh C là hợp pháp. Quá trình sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị Danh Thị Huyền T được ly hôn với anh Trương Minh C.

+ Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. giải quyết.

+ Về án phí: Chị Danh Thị Huyền T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Thủ tục tố tụng: Chị Danh Thị Huyền T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh Trương Minh C, anh C có địa chỉ tại huyện P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Anh C đã được Toà án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị T có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng

mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh C là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Danh Thị Huyền T và anh C xây dựng hôn nhân năm 2008, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, do đó hôn nhân của chị T, anh C là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T và anh C cả hai đều bỏ mặt nhau không gặp nhau để hàn gắn lại hôn nhân, chị T xác định không còn tình cảm với anh C, không thể tiếp tục chung sống với nhau được. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh C

[3] Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Danh Thị Huyền T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Danh Thị Huyền T phải chịu 300.000 đồng án phí không giá ngạch.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 217, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Danh Thị Huyền T, cho chị Danh Thị Huyền T ly hôn với anh Trương Minh C.

2. Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Danh Thị Huyền T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị Danh Thị Huyền T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006891 ngày 03

tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển thu án phí trong giai đoạn thi hành án. Anh C không phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính kể từ ngày nhận hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phước Long;
- THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã Vĩnh Thanh;
- Lưu: Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Phước Dương Thị Tú Phương

Triệu Thanh Liêm